TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-02-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á

2. Ông Nguyễn Hữu Tố

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Ba - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 646/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 31A/2023/QĐST-DS ngày 19/01/2023 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Trung L, xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Nông Văn Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố Thiện Đ, phường Hoài H, thị xã H, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nông Văn Q tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài S, huyện H, tỉnh B (nay là thị xã H) vào ngày 07 tháng 4 năm 2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh Q không có trách nhiệm với gia đình nên từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, hôn nhân không hạnh phúc. Chị H và anh Q không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn Q.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nông Trần Tuấn K, sinh ngày 19/01/2011 hiện nay cháu K đang ở với chị H. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nông Văn Q, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định của pháp luật nhưng anh Q luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ của pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 17, 18,19, 21, 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử;

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H được ly hôn anh Nông Văn Q.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Nông Trần Tuấn K, sinh ngày 19/01/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

+ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn giải quyết việc hôn nhân và gia đình của chị; bị đơn anh Nông Văn Q cư trú tại khu phố Thiện Đ, phường Hoài H, thị xã H, tỉnh B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nông Văn Q tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài S, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số

01/2010 ngày 07/4/2010. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị H cho rằng, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải nhau, anh Q không có trách nhiệm với gia đình nên tình cảm ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị và anh Quân không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Do đó, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống. Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định pháp luật nhưng anh Q luôn vắng mặt, từ diễn biến trên chứng tỏ anh Q đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh Q là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con chung: Chị H và anh Q có một con chung tên Nông Trần Tuấn Kt, sinh ngày 19/01/2011. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị H có việc làm, thu nhập ổn định, cháu K còn nhỏ và đang ở ổn định với chị H, đồng thời cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K nên cần giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nông Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nông Trần Tuấn K, sinh ngày 19/01/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000222 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các

Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Sơn;
- Các đương sự;
- Löu: Hồ sơ vụ án, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Bích